## NHÓM HOÀNG MAI

## KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – KHTN 7

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

**I. Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 2*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc đề kiểm tra:**

+ Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

+ Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, *(Tổng 20 câu hỏi: nhận biết: 12 câu; thông hiểu: 8 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

+ Phần tự luận: 5,0 điểm *(Tổng 5 câu: Nhận biết 1 câu : 1,0 điểm; Thông hiểu 1 câu: 1,0 điểm; Vận dụng 2 câu: 2,0 điểm; Vận dụng cao 1 câu: 1,0 điểm).*

Giữa học kỳ II:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **CĐ1** | **CĐ2** | **CĐ3** | **CĐ4** | **TỔNG** |
| **Số tiết** | 10 | 2 | 6 | 9 | 27 |
| **Điểm** | 3,7 | 0,74 | 2,22 | 3,34 | 10 |
| **Điểm làm tròn** | 3,5 | 0,75 | 2,5 | 3.25 | 10 |

|  | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu TN/Tổng số ý TL** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Từ**(10 tiết)* |  | **8** |  | **6** |  |  |  |  |  | 14 | 3,5 |
| *2. Khái quát trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật*  *(2 tiết)* |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 0,75 |
| *Quang hợp (6 tiết) : (Quang hợp ở thực vật ; Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp ; Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh)* | 1 |  |  | **2** | 1 |  |  |  | 2 | 2 | 2,5 |
| *Hô hấp (9 tiết): (Hô hấp tế bào ; Thực hành hô háp ở thực vật ; Trao đổi khí ở sinh vật)* |  | **1** | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 3 | 1 | 3,25 |
| **Số câu TN/Tổng số ý TL** | **1** | **12** | **1** | **8** | **2** | **0** | **1** | **0** | 5 | 20 | 10,00 |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **1,0** | **2,0** | **2** | **0** | **1,0** | **0** | **5,0** | **5,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

| **BẢN ĐẶC TẢ** | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| - Nam châm  - Từ trường  - Chế tạo nam châm điện đơn giản | **1. Từ** | | | | | |
| **Nhận biết** | - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.   * Nêu được sự tương tác giữa các từ cực của hai nam châm. |  | **8** |  | **1** |
|  | **2** |
| - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường  - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. |  | **3, 4** |
| - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.  - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm.  - Nêu được khái niệm đường sức từ. |  | **5, 6, 7 ,8** |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ nam châm vĩnh cửu có từ tính.  - Mô tả đư­ợc cấu tạo và hoạt động của la bàn |  | **6** |  | **9, 10, 11** |
|  | **12, 13, 14** |
| **Vận dụng** | - Tiến hành thí nghiệm để nêu được:  + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;  + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm).  - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí. |  |  |  |  |
| - Vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. |  |  |  |  |
|  | **2. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật** | | | | | |
|  | **Nhận biết** | – Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. |  | **3** |  | **15, 16** |
| – Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |  |  | **17** |
|  | **3. Quang hợp** | | | | | |
| - Quang hợp ở thực vật.  - Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp  - Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh | **Nhận biết** | – Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. | **1** |  | **21** |  |
| **Thông hiểu** | – Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây. |  |  |  |  |
| – Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp |  | **2** |  | **18, 19** |
|  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. | **1** |  | **22** |  |
|  | **Vận dụng cao** | – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh. |  |  |  |  |
|  | **4. Hô hấp** | | | | | |
| - Hô hấp tế bào  - Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào  - Thực hành hô hấp ở thực vật. | **Nhận biết** | - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. |  | **1** |  | **20** |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật). |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải. | **1** |  | **23** |  |
| **Vận dụng** | – Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). | **1** |  | **24** |  |
| **Vận dụng cao** | - Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. | **1** |  | **25** |  |
| **Tổng** |  |  | **5** | **20** |  |  |